**Thanh Chương - Ngàn năm di sản Hán Nôm**

**Tử Quang**

Thanh Chương là địa phương nổi tiếng với câu thành ngữ *"Nhút Thanh Chương, tương Nam Đàn"* mang đậm đặc trưng của văn hóa xứ Nghệ. Trải qua quá trình hình thành và phát triển của lịch sử, Thanh Chương luôn gắn bó mật thiết với quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Lịch sử dân tộc đã ghi nhận đây là địa phương có nhiều đóng góp lớn lao về công của, trí tuệ trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc, với nhiều nhân vật làm thay đổi lịch sử đất nước, tạo dựng nên những giá trị lớn lao về vật chất, biểu tượng, tinh thần... tạo nền móng vững chắc cho sự phát triển của Nghệ An nói riêng và dân tộc Việt Nam nói chung. Thanh Chương còn là quê hương của Phúc Nghĩa hầu Nguyễn Cảnh Đoan - tác giả bức quốc thư đầu tiên, mở ra mối quan hệ ngoại giao - thương mai giữa Việt Nam và Nhật Bản năm 1591; và cũng là nơi chôn rau cắt rốn của Nho sinh Đỗ Bá Công Đạo - người Việt Nam đầu tiên có thư tịch đầu tiên nói về "Bãi Cát Vàng" tức hai quần đảo Hoàng Sa Trường Sa năm 1686; và là quê hương của rất nhiều danh nhân nổi tiếng khác.

Nơi đây với vị thế là một trong những vị trí giao điểm và chiến lược quan trọng của vùng đất Nghệ An qua các thời kỳ lịch sử, nên luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của nhiều triều đại phong kiến, thể hiện ở việc được ghi chép, mô tả, nhận định và khảo luận đầy đủ, chi tiết trong nhiều bộ chính sử, phương sử, cũng như dư địa chí của nhiều học giả nổi tiếng trong và ngoài nước. Chính vì vậy nơi đây cũng từng để lại một di sản văn hóa thành văn Hán Nôm vô cùng đồ sộ và phong phú được cha ông để lại từ đời này sang đời khác. Nội dung tư liệu Hán Nôm Thanh Chương liên quan đến rất nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội quê nhà trong các thế kỷ trước; cung cấp những thông tin giá trị về chính trị, kinh tế, hành chính, pháp luật, tôn giáo, y học.v.v…; giúp cho các nhà sử học, xã hội học, dân tộc học… có thêm tư liệu quý để nghiên cứu về lịch sử, văn hóa - xã hội của địa phương trong quá khứ. Chính vì vậy, trong năm 2021 vừa qua, TTKHHXHNV NA đã thực hiện nhiệm vụ cấp cơ sở *Nghiên cứu, sưu tầm, biên dịch tư liệu Hán Nôm về Thanh Chương* để sưu tầm, biên dịch, chú thích, nghiên cứu về nội dung, giá trị của tư liệu Hán Nôm liên quan đến địa phương; đề tài sẽ cung cấp nguồn tư liệu giá trị, quý hiếm cho việc biên soạn địa chí, lịch sử; góp phần bảo tồn, phát huy các giá trị tư liệu địa phương trong tiến trình xây dựng nông thôn mới của Thanh Chương nói riêng và Nghệ An nói chung.

Về mặt giá trị thực tiễn và tầm quan trọng của các loại hình di sản Hán Nôm đối với công tác nghiên cứu khoa học lịch sử và văn hóa thì không cần phải bàn cãi. Trước hết, nội dung các văn bản Hán Nôm phản ánh hiện thực đời sống của làng xã qua các thời kỳ lịch sử trên tất cả các phương diện hành chính, kinh tế và văn hóa. Mặt khác, thông qua các văn bản còn cho chúng ta hình dung được cơ cấu tổ chức và điều hành của bộ máy quản lý nhà nước ở địa phương dưới thời phong kiến. Ngoài ra, những văn bản được viết trên chất liệu giấy còn cho thấy trình độ phát triển của nghề làm giấy cũng như nét độc đáo của các làng nghề thủ công truyền thống trong quá khứ. Nghệ thuật trang trí thể hiện bằng chữ Hán trên các hạng mục công trình kiến trúc (hoành phi, câu đối, chạm khắc văn bia) còn phản ánh nhận thức về nhân sinh quan, thế giới quan, phong cách nghệ thuật, quan điểm thẩm mỹ và sự nhận thức về cái đẹp trong từng thời điểm lịch sử của vùng đất quê hương trong quá khứ.

Qua quá trình điều tra, sưu tầm và nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy giá trị tiêu biểu của nguồn tư liệu Hán Nôm về Thanh Chương chính là nguồn tài liệu quan trọng có giá trị trong nghiên cứu lịch sử bởi có rất nhiều tư liệu đã ghi lại những sự kiện lịch sử quan trọng, trong đó có những sự kiện ít được sử sách nhắc đến. Như:

**Người khai khoa huyện Thanh Chương.**

Tìm hiểu về các nhà khoa bảng đại khoa của huyện Thanh Chương,*người khai khoa của bản huyện là Tiến sĩ Nguyễn Thiện Chương, đậu Đệ tam giáp Tiến sĩ xuất thân khoa Kỷ Sửu năm Quang Thuận thứ 10 (1469)*.

Trong sách *Đỉnh Khiết Đại Việt lịch triều Đăng khoa lục*, phần chép về khoa thi năm Quang Thuận thứ 10 (1469) có 20 người đỗ, trong đó tỉnh Nghệ An có 2 người là Nguyễn Văn Bỉnh và Nguyễn Thiện Chương tại tờ 18b-19a (VHv.2410/1):

賜 第 三 甲 同 進 士 出 身 二 十 名 :

阮 文 柄 : 東 城 公 忠 人 , 三 十 一 歲 中 , 仕 至 翰 林

阮 善 彰 : 清 漳 南 華 上 人 , 十 八 歲 中

仕 至 右 侍 郎 以 直 諫 不 聽 ,三 十 三 歲 致 仕 .

(Ban Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân 20 người. Nguyễn Văn Bính: người xã Công Trung huyện Đông Thành, 31 tuổi đỗ (Tiến sĩ), làm quan đến Hàn Lâm. Nguyễn Thiện Chương: người xã Nam Hoa Thượng, huyện Thanh Chương, làm quan đến Hữu Thị lang, vì ngay thẳng can gián vua không nghe, năm 33 tuổi về trí sĩ)

Chúng tôi tiến hành đối chiếu quê quán của một số người đậu đại khoa quê tại Nghệ An khắc trong bia Văn miếu và in trong sách *Đỉnh khiết Đại Việt lịch triều Đăng khoa lục* thấy có sự thống nhất về địa danh, cụ thể: Tiến sĩ Thái Tất Tiên người xã Do Lễ, huyện Hưng Nguyên[[1]](#footnote-1). Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ: Nguyễn Cao Quýnh, quê huyện Đông Thành, phủ Diễn Châu[[2]](#footnote-2).

***Khẳng định tác giả bức quốc thư ngoại giao đầu tiên giữa Việt Nam và Nhật Bản - Bức quốc thư của nhân vật lịch sử người Thanh Chương gửi tới hoàng đế nước Nhật Bản.***

Giữa tháng 4 năm 2014, Báo chí tại Nhật Bản đưa tin về việc: Bảo tàng quốc gia Kyushu ở thành phố Saifu, tỉnh Fukuoka tuyên bố vừa tìm thấy bức thư cổ nhất của vương quốc An Nam (Việt Nam) gửi đến Nhật Bản. Theo tin đã đưa, bức thư có chiều rộng 33,3cm và chiều dài 34,9cm, gồm 179 chữ Hán viết trên giấy dó. Mặc dù trải qua 423 năm nhưng chữ viết vẫn còn rõ nên chúng tôi rất thuận lợi trong việc tiếp cận văn bản này. Trước đây, theo các học giả Nhật Bản thì bức quốc thư do Thụy Quốc công Nguyễn Phúc Nguyên gửi cho Đức Xuyên Gia Khang (Tokugawa Ieyasu) vào năm Hoằng Định thứ 2 (1601) được xem là bức quốc thư ngoại giao đầu tiên giữa hai nước Việt Nam và Nhật Bản. Bức quốc thư nói trên có niên đại “Quang Hưng thập tứ niên nhuận tam nguyệt nhị thập nhất nhật” tức là “Ngày 21 tháng Ba nhuận, niên hiệu Quang Hưng thứ 14” (năm 1591) sớm hơn bức thư của Thụy Quốc công đến 10 năm. Như vậy, đây chính là bức quốc thư ngoại giao sớm nhất giữa Việt Nam và Nhật Bản, tính tới thời điểm hiện tại. Và điều đáng chú ý nhất chính là phần ghi về tác giả của bức thư: “An Nam quốc Phó đô đường Phúc Nghĩa hầu Nguyễn” nghĩa là: “Quan Phó Đô đường nước An Nam là Phúc Nghĩa hầu họ Nguyễn”. *Vậy, vị quan Phó Đô đường họ Nguyễn có tước hiệu là Phúc Nghĩa hầu là ai?*

Trong quá trình điền dã sưu tầm tư liệu trên địa bàn Nghệ - Tĩnh, chúng tôi đã sao chụp được rất nhiều gia phả các dòng họ, trong đó có dòng họ Nguyễn Cảnh với rất nhiều chi phái ở nhiều địa phương khác nhau như Thanh Chương, Đô Lương, Nam Đàn,… Trong nhiều cuốn gia phả đó, đều xuất hiện tước hiệu Phúc Nghĩa hầu ,trong các gia phả của dòng họ Nguyễn Cảnh ở bốn địa phương là Thanh Chương, Đô Lương, Nam Đàn và Nghi Lộc. Những gia phả kể trên chúng tôi thấy rằng, tước hiệu Phúc Nghĩa hầu đều ứng với 1 người có tên là Nguyễn Cảnh Đoan; một số gia phả ở trên còn ghi thêm đây là con trai thứ 8 của Tấn Quốc công Nguyễn Cảnh Hoan và người vợ ở xã Đại Đồng, huyện Thanh Chương. Chính vì vậy, chúng tôi khẳng định nhân vật Phúc Nghĩa hầu họ Nguyễn được nói tới trong bức quốc thư chính là Phúc Nghĩa hầu Nguyễn Cảnh Đoan - con trai thứ 8 của Thái phó Nguyễn Cảnh Hoan và mẹ người xã Đại Đồng, huyện Thanh Chương tỉnh Nghệ An.

***Phát lộ mối quan hệ song phương ngoại giao và kinh tế giữa 2 nước Việt Nam và Nhật Bản thời kỳ trung đại.***

Bức thư do Phúc Nghĩa hầu Nguyễn Cảnh Đoan được viết vào năm 1591 thì một năm sau - năm 1592, Nhật Bản mở ra thời kỳ “Châu ấn thuyền” - thời kỳ mở rộng ngoại giao và thương mại thịnh vượng nhất của họ đối với đất nước ta. Chính quyền Nhật Bản đương thời đã cấp “Châu ấn trạng” - tờ giấy cấp cho thương thuyền đi buôn bán ở khắp nơi trên thế giới, có đóng ấn triện son của Tướng quân Mạc phủ cho hàng ngàn thương thuyền sang buôn bán tại Việt Nam. Trong phần *Ngoại phiên thông thư* còn có rất nhiều bức thư khác từ phía chính quyền Lê - Trịnh gửi sang Nhật Bản nói về một sự kiện thương thuyền Nhật Bản không may bị đắm tại cửa biển Đan Nhai vào đầu năm 1611 cùng với những nỗ lực của phía Việt Nam nói chung và các vị quan tại Nghệ An nói riêng trong việc cứu tế. các vị quan người Thanh Chương là Thư Quận công Nguyễn Cảnh Kiên, Quảng Phú hầu Nguyễn Cảnh Hà chính là những người đã chỉ đạo quân dân Nghệ An cứu vớt thương nhân Nhật Bản khi họ không may bị đắm thuyền ở cửa biển Đan Nhai. Sau đó họ chia nhau đem người Nhật Bản về nhà riêng nuôi dưỡng, chu cấp đầu đủ mọi thứ: Văn Lý hầu Trần Tịnh nhận nuôi 26 người, Thư Quận công Nguyễn Cảnh Kiên nhận nuôi 39 người, Quảng Phú hầu Nguyễn Cảnh Hà nhận nuôi 49 người, tất cả đều được chăm sóc đặc biệt. Đoàn thương nhân Nhật Bản còn được dẫn tới triều đình, xin chúa Trịnh ra ơn cho đóng thuyền để trở về nước.

Sự việc này đã thắt chặt thêm mối quan hệ giao thương nói riêng và ngoại giao nói chung giữa 2 nước Việt - Nhật. Nghĩa cử cao đẹp này khiến cho chính quyền Nhật Bản đương thời vô cùng cảm kích và xem đây như mối ân tình lịch sử lớn giữa hai nước. Chính vì vậy nên 1 thế kỷ sau, khi “tỏa quốc” đóng cửa với bên ngoài, Nhật Bản vẫn đói xử rất tốt với những người Việt bị nạn trên biển. Bằng chứng rõ ràng nhất là vào khoảng những năm Chính Hoà, một số người dân nước ta gặp nạn trên biển trôi dạt tới Nhật Bản đã được cứu giúp sau đó gửi thuyền buôn Trung Hoa cho về nước.

***Góp phần làm sáng tỏ và khẳng định tính xác tín sự kiện lịch sử: Trịnh Nguyễn phân tranh tại Nghệ An.***

Trịnh – Nguyễn phân tranh 鄭阮紛爭 là thời kỳ phân chia lãnh thổ giữa chế độ "vua Lê chúa Trịnh" ở phía Bắc sông Gianh (Đàng Ngoài) và chúa Nguyễn cai trị ở miền Nam (Đàng Trong), mở đầu khi Trịnh Tráng đem quân đánh Nguyễn Phúc Nguyên năm 1627 và kết thúc vào cuối thế kỷ 18 khi nhà Tây Sơn lật đổ cả chúa Nguyễn lẫn chúa Trịnh.

Về sự kiện này, chính sử ghi rất rõ. Và điều đặc biệt là các tư liệu tại địa phương cũng ghi sự kiện y hệt như chính sử, đồng thời bổ sung thêm nhiều chi tiết mà chính sử không nhắc tới. Văn bia kiên nghĩa tại đền thờ Trần Hưng Nhượng và Trần Hưng Học tại thôn Xuân Hoà, xã Thanh Xuân. ghi lại rất cụ thể các sự tích về công danh của hai ông qua các trận đánh. Ví dụ như:

- Tháng 6 năm Đinh Dậu (1657), trận Nam Hoa.

- Tháng 9 năm Đinh Dậu (1657), trận Bình Ngô.

- Tháng 8 năm Mậu Tuất (1658), trận Nam Hoa thượng.

- Tháng 9 năm Mậu Tuất (1658), trận Xuân Hoa.

- Tháng 10 năm Mậu Tuất (1658), trận Thanh Chương.

- Tháng 12 năm Mậu Tuất (1658), trận Tình Diễm (Hương Sơn).

- Tháng giêng năm Kỷ Hợi (1659), trận Mã Yên (Hương Sơn).

- Tháng 10 năm Kỷ Hợi (1659), trận Cống Đá (Hương Sơn).

- Tháng 4 năm Canh Tý (1660), trận Cửa Hói (Yên Ấp, Hương Sơn).

- Tháng 9 năm Canh Tý (1660), trận Yên Ngựa.

- Tháng 11 năm Canh Tý (1660), trận Bàu Hống.

- Tháng 12 năm Canh Tý (1660), trận Hoành Sơn).

Đặc biệt, dòng họ Trần Hưng cũng có thêm một vị tướng nữa mà xưa nay chính sử cũng như phương sử chưa nói tới. Nhân vật mà chúng tôi nói đến là Cường Mạch hầu Trần Hưng Thi (làng Tiên Hoa, xã Thanh Xuân, huyện Thanh Chương). Cuộc đời binh nghiệp của ông được thể hiện qua 2 đạo sắc phong mang niên hiệu Vĩnh Thọ, tính đến thời điểm hiện tại đã hơn 350 năm nhưng được giữ nguyên vẹn…

Căn cứ vào nội dung và niên hiệu 2 đạo sắc phong tại nhà thờ Cường Mạch hầu, xác định được sự kiện ghi trong sắc chính là cuộc đại chiến Trịnh - Nguyễn phân tranh lần thứ 5 (1655 – 1660) Sau khi chúa Trịnh đuổi quân Nguyễn trở về Nam, thu phục lại 7 huyện ở tả ngạn sông Lam đã ra chỉ chuẩn sắc phong cho các công thần có công, trong đó có cụ Trần Hưng Thi. Những đạo sắc này chứa đựng nhiều thông tin quan trọng về lịch sử lúc bấy giờ:

**Thứ nhất**, trong sắc phong có chỉ đích danh quân đội Đàng Trong là: “Bọn giặc cướp điên cuồng xứ Thuận - Quảng” thể hiện rõ quan điểm thù địch “không đội trời chung” và thái độ hằn học của chính quyền họ Trịnh đối với họ Nguyễn. Bởi trong khoảng thời gian chiếm đóng tại đây, quân Nguyễn từng bước áp đặt và củng cố mọi mặt trong đó có kinh tế.

**Thứ 2**, quân Nguyễn còn mở những đợt cưỡng bức người dân, gây nên sự bất bình lớn trong lòng dân, gặp phải sự phản kháng rất mạnh từ địa phương cũng như từ phía chính quyền Lê - Trịnh. Nhiều cá nhân cũng như dòng họ đứng lên để chống lại nhà Nguyễn, Cường Mạch hầu Trần Hưng Thi và dòng họ Trần Hưng, Thanh Chương là một trong số đó.

**Thứ 3**, sắc phong ghi rõ cụ Trần Hưng Thi là “Bề tôi kiên nghĩa”, bởi mặc dù sống trên vùng đất do quân Nguyễn quản lý nhưng vẫn trung thành với chính quyền Lê - Trịnh, đồng tâm hiệp lực với triều đình chiến đấu chống lại quân Nguyễn trong vòng 5 năm với nhiều trận chiến. Điều đó chứng tỏ Cường Mạch hầu Trần Hưng Thi là một võ tướng rất được nhà nước phong kiến đương thời trọng vọng. Đạo sắc này chính là nguồn sử liệu rất có giá trị giúp chúng ta thấy rõ hơn về những con người Nghệ An gắn liền với một giai đoạn lịch sử đầy biến động của dân tộc thế kỷ XVII.

Những sự kiện lịch sử như trên được phản ánh khá nhiều trong tư liệu Hán Nôm Thanh Chương. Đó là những cứ liệu quan trọng góp phần vào việc nghiên cứu các sự kiện lịch sử, nghiên cứu về những vấn đề còn gây nhiều tranh luận, và bổ khuyết những mảng trống trong nghiên cứu lịch sử xã hội thời kỳ phong kiến.

**Thư tịch đầu tiên ghi chép về Hoàng Sa Trường Sa của Nho sĩ Đỗ Bá Công Đạo.**

Việt Nam có đầy đủ chứng cứ khoa học lịch sử và cơ sở pháp lý để khẳng định chủ quyền đối với Hoàng Sa và Trường Sa phù hợp với quy định của Luật pháp quốc tế. Theo dòng chảy lịch sử Việt Nam từ thế kỷ 17 cho tới cuối triều Nguyễn, hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã được ghi chép, mô tả một cách đầy đủ và chi tiết trong nhiều bộ thư tịch của nước ta. Điều đặc biệt là trong rất nhiều tác phẩm địa dư của Việt Nam viết về Hoàng Sa - Trường Sa dưới hai triều Lê và Nguyễn thì hầu như đều có sự đóng góp rất lớn của các trí thức người Nghệ, mà đặc biệt là tác phẩm *“Toản tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư”* của Nho sĩ Đỗ Bá Công Đạo chính là tác phẩm đầu tiên viết về Hoàng Sa Trường Sa. Đây là tư liệu gốc (original texts**)** có giá trị lớn về mặt khoa học, lịch sử và pháp lý góp phần rất lớn vào việc khẳng định chủ quyền lãnh thổ lãnh hải của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Tuy chỉ vẻn vẹn trong một đoạn văn ngắn nhưng với 3 chữ “Bãi Cát Vàng” cũng đủ để cho chúng ta thấy rõ hai quần đảo Hoàng Sa Trường Sa thuộc quyền kiểm soát và quản lý của người Việt ít nhất cũng phải từ trước những năm 1680 - 1705. Điều đặc biệt là hai quần đảo này được chú thích rõ ràng bằng chữ nôm là “𡓁𡋥鐄 Bãi Cát Vàng” thể hiện rõ ngôn ngữ dân gian xứ Đàng Trong. Sau này các Nho sĩ Đàng Ngoài mới dịch sang âm Hán Việt là Hoàng Sa chử...

**Sắc phong triều Tây Sơn tại Thanh Chương**

Hiện nay tại Nghệ An, sắc phong triều đại Tây Sơn tuy không nhiều như sắc phong của các triều đại khác nhưng vẫn đầy đủ niên hiệu của 3 đời vua: Thái Đức (Nguyễn Nhạc), Quang Trung (Nguyễn Huệ) và Cảnh Thịnh (Quang Toản). Những sắc phong này đều được xem như bảo vật và lưu giữ tại nhà thờ các dòng họ hay các đền, đình, miếu trong dân gian. Đây chính là những tư liệu gốc rất quý hiếm để nghiên cứu những sự kiện và nhân vật không được lịch sử ghi chép đến. Như trường hợp sắc phong cho danh tướng Nguyễn Sĩ Xung hiện đang được lưu giữ tại nhà thờ dòng họ Nguyễn Sĩ xã Thanh Lương huyện Thanh Chương. Ông tòng quân (ưu binh) dưới triều Cảnh Hưng (1740-1786) tới 18 năm, được thăng đến chức Tráng tiết tướng quân Phó thiên hộ. Ông được triều Lê Cảnh Hưng phong 2 đạo sắc vào năm Mậu Ngọ (1748). Khi Hoàng đế Quang Trung lên ngôi đưa quân ra Bắc dẹp quân Thanh xâm lược, ông hăng hái xung phong gia nhập đại quân và được phong làm tướng trong đội quân “áo vải cờ đào”. Do lập được công lại được lòng binh lính và nhân dân, nên được sắc phong là “Anh dũng tướng quân Trung uý” và ban tước “Tình Nghĩa hầu”. Tuy nhiên, ngoài những tư liệu kể trên thì hiện nay chưa hề có một thông tin nào nói về ông. Giáo sư Phan Huy Lê khi xem các sắc phong triều Tây Sơn cho Nguyễn Sĩ Xung cũng phải thừa nhận: *“tôi chưa từng nghe nói đến viên tướng này, cần phải công bố ngay”*

Đây là những di sản rất quý hiếm của triều đại Tây Sơn còn sót lại trên đất nước ta mà Nghệ An là nơi lưu giữ được nhiều nhất. Một điều đặc biệt đó chính là khi Gia Long đánh bại Tây Sơn lập ra triều Nguyễn, các vua Nguyễn đều ra lệnh phải tiêu hủy tất cả các văn bản, di vật của Tây Sơn hoặc liên quan tới Tây Sơn, người nào cất giữ đều bị xử tội chết. Nhưng những di vật này đều được những gia đình và dòng họ trên địa bàn Nghệ An lưu giữ cần thận, không để mất mát hư hỏng. Qua đó thấy được hình ảnh và vị thế của triều đại Tây Sơn và người anh hùng áo vải Quang Trung trong lòng người dân xứ Nghệ.

**Xác định mốc ra đời và những vấn đề liên quan tới danh xưng Thanh Chương.**

Bên cạnh những yếu tố trên, trong quá trình tiếp tục nghiên cứu và điền dã sưu tầm Hán - Nôm trên địa bàn Thanh Chương, chúng tôi chưa tìm được tư liệu gốc để có thể chứng minh danh xưng Thanh Chương ra đời năm 1442 (như trong Dư địa chí của Nguyễn Trãi) hay năm 1469 (Đại Việt sử ký toàn thư). Tuy nhiên, với những tư liệu điền dã đã có được, nhiệm vụ đã khẳng định một số vấn đề như sau:

Có phải danh xưng Thanh Chương ra đời sau năm 1729

Có một số quan điểm, nghiên cứu cho rằng: “Danh xưng Thanh Chương 清漳 có sau danh xưng Thanh Giang 清江. Ở đây, vì kỵ húy Trịnh Giang nên phải đổi theo quy luật đổi âm (giang đổi thành chương) song vẫn giữ được ý nghĩa cũ (江giang là sông, còn chương 漳 là tên một con sông, cả hai đều thuộc bộ thủy). Tức cho rằng “Thanh Chương” chỉ xuất hiện sau năm 1729, sau khi Trịnh Giang lên ngôi chúa.

Trong công trình khảo cứu công phu “đặt nền móng cho môn tị húy học Việt Nam” theo đánh giá của cố GS Hà Văn Tấn, nghiên cứu chữ húy Việt Nam qua các triều đại của Ngô Đức Thọ (Nxb Văn hóa 1997), mục Kiêng húy đổi địa danh thời Lê Trung Hưng chép: “Thanh Giang 青 江tên huyện thuộc xứ Nghệ An, sau năm 1729 đổi là Thanh Chương. Nay là huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An”. Từ đó cho rằng danh xưng Thanh Chương chỉ xuất hiện năm 1729 hay sau năm này. Còn những tác phẩm chép địa danh Thanh Chương có trước mốc này là do người đời sau sửa chữa…

Qua quá trình điền dã, khảo cứu, sưu tầm và nghiên cứu các tài liệu trong và ngoài tỉnh, tại địa phương, chúng tôi xin khẳng định rằng: những nhận định trên là hoàn toàn thiếu cơ sở và không chính xác. Bởi dựa vào những tư liệu gốc hiện tồn gồm các loại hình văn bản hành chính của 2 triều đại Lê và Nguyễn như Văn bia, Sắc phong, Bằng cấp, Lệnh chỉ, Lệnh dụ, Gia chỉ, Cấp phó... đang được lưu giữ tại các dòng họ ngay trên mảnh đất Thanh Chương hiện nay, thì hai chữ “Thanh Chương” đã được ghi chép rất rõ ràng từ trước năm 1729. Như vậy quan điểm “danh xưng Thanh Chương chỉ xuất hiện năm 1729 hay sau năm này” là hoàn toàn không chính xác.

**Danh xưng Thanh Chương ra đời năm nào?**

Từ những khảo sát, đối sánh về việc quê quán xã Nam Hoa Thượng, huyện Thanh Chương của Tiến sĩ Nguyễn Thiện Chương khắc trong sách *Đỉnh khiết lịch triều Đăng khoa lục* trùng khớp với bia Đề danh Tiến sĩ khoa thi năm Kỷ Sửu Quang Thuận thứ 10 (1469), mà thời điểm khắc văn bia đó là năm 1484, sớm hơn 6 năm do với thời gian biên soạn *Hồng Đức bản đồ* (1490) thì tên gọi Thanh Chương đã xuất hiện từ khi vua Lê Thánh Tông cho quy định bản đồ các phủ, châu, huyện, xã, trang, sách thuộc 12 thừa tuyên (1469). Đó là một giả thuyết khá thuyết phục có thể làm căn cứ xác định cho mốc ra đời Danh xưng Thanh Chương.

***Từ những sự kiện được phát hiện qua quá trình điền dã, khảo sát, tìm tòi nghiên cứu qua nguồn tư liệu tại Trung ương, địa phương, chúng ta có thể thấy những giá trị nổi bật:***

***- Giá trị về mặt lịch sử*:** Thư tịch cổ và văn bia Hán Nôm là kho tàng văn hóa thành văn phong phú và có giá trị về mặt lịch sử. Thông qua nguồn tư liệu này chúng ta có thể tìm hiểu về quá trình di cư, lập ấp, lập nghiệp, lịch sử hình thành và biến đổi của danh xưng Thanh Chương. Tư liệu địa chí ghi lại sự thay đổi về địa giới hành chính qua các thời kỳ, con người, sản vật, núi sông.... giúp các thế hệ sau này hiểu được quá trình hình thành, phát triển của vùng đất giàu truyền thống, giàu văn hiến.

***- Giá trị giáo dục:*** Nghệ An nói chung, Thanh Chương nói riêng là vùng đất nổi tiếng về hiếu học và khoa bảng. Tuy không được thiên nhiên ưu đãi về mặt khí hậu, đất đai nhưng với tinh thần chịu thương, chịu khó, nỗ lực vươn lên trong học tập, người dân Thanh Chương đã đạt được nhiều thành tích về giáo dục và khoa bảng. Để khuyến khích học tập người dân Thanh Chương đã dùng hình thức nêu danh khoa bảng, ghi lại tiểu sử, thành tích, sự nghiệp của những người đỗ đạt khoa trường của huyện, coi đó là tấm gương sáng để các thế hệ con cháu học tập, noi theo. Cuốn *Thanh Chương huyện chí*, VHv.2557 phần khảo về Văn miếu trong mục *Kim cổ vị sự chí,* từ trang 28a - 30b cung cấp thông tin đầy đủ về cấp bậc, phẩm hàm, tước vị của 13 vị Tiến sĩ triều Lê của bản huyện. So với các tài liệu đăng khoa lục toàn quốc, cuốn *Các nhà khoa bảng Việt Nam, Thanh Chương huyện chí* đã bổ sung dược nhiều thông tin hữu ích về quê quán, tên tự tên hiệu, năm mất của nhiều nhà khoa bảng[[3]](#footnote-3). Cụm bia đề danh khoa bảng tại đình Võ Liệt huyện Thanh Chương ghi họ, tên, quê quán 455 vị đỗ đạt gồm: 377 Hiệu sinh, Sinh đồ, Tú tài, 63 Hương cống (Cử nhân), 2 Tiến sĩ và 3 Phó bảngcủa tổng Võ Liệt từ thời Lê đến thời Nguyễn.

Bia tiểu sử danh nhân như Phan Thúc Trực, Quốc Tử Giám Tư nghiệp Vũ Nhật Tân, Lỗ Xuyên tiên sinh.... thường do các học trò là Tiến sĩ, Phó bảng, Cử nhân soạn và dựng Nội dung văn bia ca ngợi, ghi ơn công đức thầy dạy, thể hiện tinh thần uống nước nhớ nguồn, tôn sư trọng đạo. Bia tiểu sử các nhà khoa bảng thường được dựng tại từ đường dòng họ, đền thờ, mộ phần danh nhân, được lưu giữ, truyền lại cho các thế hệ sau, là tấm gương về tinh thần hiếu học, trọng khoa bảng.

***- Giá trị văn hóa - phong tục tập quán:*** Thư tịch cổ và bi ký Hán Nôm huyện Thanh Chương phản ánh khá rõ nét những phong tục tập quán trong đời sống thường ngày của người dân địa phương. Bản khai về các điều lệ của các thôn, xã thuộc huyện Thanh Chương do Lý trưởng địa phương thực hiện được ghi chép cụ thể trong cuốn *Thanh Chương, Nam Đàn các tổng xã thôn hương lệ*, Khoán ước của thôn Đông Viên; phong tục tập quán, truyền thuyết dân gian lưu hành tại các địa phương trong huyện Thanh Chương được các chức sắc ở các làng xã thuộc huyện Thanh Chương ghi lại theo các câu hỏi điều tra của Phó sứ Nghệ An Ogeier được soạn vào năm Duy Tân thứ 5 (1911).

Tín ngưỡng thờ Hậu, thờ thần, thờ Thành Hoàng làng được tư liệu thư tịch cổ và bi ký Hán Nôm phản ánh khá rõ nét. Ông Trần Văn Cảnh, thân sinh của Trần Hưng Học và Trần Hưng Nhượng là người có công đức với làng và rất linh thiêng, được người dân bầu là Thành hoàng làng, thờ phụng ở đình. Dân 2 giáp của thôn Điền Lao, tổng Bích Triều góp tiền của dựng bia ghi lại công trạng ông[[4]](#footnote-4). Các đạo sắc phong của triều Lê cho 1 vị thượng đẳng thần, 9 vị hạ đẳng thần thuộc xã Võ Liệt huyện Thanh Chương... giúp chúng ta phần nào hiểu về sự tích của các vị Thành hoàng, các nhân vật lịch sử, danh nhân văn hóa gắn liền với các di tích lịch sử, văn hóa ở địa phương, các vị Nhiên thần, Thiên thần, Nhân thần đã từng được người dân Thanh Chương thờ phụng. Việc tìm hiểu lai lịch, công trạng, đạo sắc tặng thưởng cho bách thần và các quan viên có công lao với vương triều, đất nước, cũng chính là sự ghi công của vương triều đối với nhân vật, để không chỉ con cháu họ tộc được tự hào mà quê hương, làng xã cũng thơm danh. Thần tích - Thần sắc thể hiện vai trò tối thượng của Vua, của nhà nước phong kiến trong việc trị vị muôn dân và cai quản cả thế giới thần linh, kết hợp với các tín ngưỡng và đời sống tâm linh, có quan hệ mật thiết với các sinh hoạt văn hóa tại các làng xã.

1. Văn bia đề danh Tiến sĩ khoa Bính Tuất niên hiệu Quang Thuận thứ 7 (1466), trang 18a sách *Đỉnh khiết Đại Việt lịch triều Đăng khoa lục* ( VHv.2140/1). [↑](#footnote-ref-1)
2. Bia bia đề danh Tiến sĩ khoa Ất Mùi niên hiệu Hồng Đức thứ 6 (1475) và tờ 22 b sách *Đỉnh khiết Đại Việt lịch triều Đăng khoa lục* ( VHv.2140/1). [↑](#footnote-ref-2)
3. Xem thêm: Lê Thị Thu Hương, 2017, “13 vị Tiến sĩ triều Lê huyện Thanh Chương qua tư liệu Hán Nôm”, Tạp chí *Khoa học và Công nghệ Nghệ An*, số 1, tr.47-55 [↑](#footnote-ref-3)
4. Bia *Phụng tự Hậu thần bi ký* [↑](#footnote-ref-4)